



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/2024/TT-BNV

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2024

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV
ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức**

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức - Viên chức;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Khi xác định cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan, tổ chức hành chính thì không tính cán bộ, công chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý.

Trong thời gian chưa thực hiện trả lương theo chức vụ, chức danh theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được dự thi, xét nâng ngạch tương ứng với mức độ phức tạp của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý nhưng không tính vào cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức”.

2. Bổ sung các Điều 2a, Điều 2b, Điều 2c và Điều 2d vào sau Điều 2 như sau:

“Điều 2a. Tỷ lệ ngạch công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ

1. Đối với tổ chức cấp vụ và tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ:

- a) Ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: Tối đa 40%;
- b) Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 40%;
- c) Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ phần trăm (%) các ngạch còn lại.

2. Đối với tổ chức thuộc, trực thuộc tổng cục:

- a) Đối với tổ chức cấp vụ và tương đương thuộc tổng cục
 - Ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: Tối đa 30%;
 - Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 50%;
 - Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ % các ngạch còn lại.

b) Đối với tổ chức trực thuộc tổng cục được tổ chức tại địa phương theo ngành dọc

Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 40%;

Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ % các ngạch còn lại.

Điều 2b. Tỷ lệ ngạch công chức của cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương:

- a) Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 50%;
- b) Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ % các ngạch còn lại.

2. Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trực thuộc Trung ương:

- a) Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa 40%;
- b) Ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương: Tỷ lệ % các ngạch còn lại.

Điều 2c. Tỷ lệ ngạch công chức của cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Công chức của các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ các ngạch chuyên viên và tương đương, cán sự và tương đương, nhân viên và tương đương phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm.

Điều 2d. Tỷ lệ ngạch công chức của cơ quan, tổ chức khác

Đối với các cơ quan, tổ chức được thành lập theo quy định của Đảng, của pháp luật, được cấp có thẩm quyền giao biên chế công chức nhưng không thuộc đối tượng tại Điều 2a, Điều 2b, Điều 2c Thông tư này thì người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định áp dụng tỷ lệ % ngạch công chức quy định tại Điều 2a, Điều 2b, Điều 2c phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô hoạt động của cơ quan sử dụng công chức”.

3. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc xác định cơ cấu ngạch công chức của từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, bảo đảm không vượt quá tỷ lệ theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp cơ quan, tổ chức có tỷ lệ ngạch công chức thực tế cao hơn tỷ lệ quy định tại Thông tư này thì không thực hiện việc tuyển dụng, nâng ngạch đối với ngạch công chức đã vượt quá.

b) Tổng hợp và báo cáo kết quả xác định cơ cấu ngạch công chức của từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý theo Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt về Bộ Nội vụ để quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội quyết định việc áp dụng Thông tư này để thực hiện việc xác định cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quản lý”.

4. Bỏ cụm từ “theo từng chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BNV.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức

1. Sửa đổi Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNV.

2. Bổ sung Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNV.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2024.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Vụ CCVC.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Trà



BỘ, NGÀNH

Phụ lục số 01

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH Ở TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2024/TT-BNV ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Table with columns for TT, Tên cơ quan, Chuyên ngành, Cơ cấu ngạch công chức theo yêu cầu VTVL được phê duyệt, Cơ cấu ngạch công chức hiện có, and Ghi chú. It includes sub-headers for CVCC, CVC, CV, CS, and NV with their respective counts and percentages.

III	Các tổ chức hành chính khác có sử dụng biên chế công chức																							
...	...																							

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người đứng đầu
bộ phận tham mưu về công tác cán bộ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

... ngày ... tháng ... năm ...
Người đứng đầu Bộ, ngành
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Chỉ tính số lượng, cơ cấu ngạch công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức hành chính.
- Biểu mẫu áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Tỷ lệ % từng ngạch công chức = tổng số công chức giữ ngạch/tổng số biên chế được giao hoặc tổng số công chức hiện có.
- Cột số (15) đến cột số (25) tính đến thời điểm lập báo cáo hằng năm.

II	Các tổ chức hành chính khác có sử dụng biên chế công chức																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
.....																																																																																																																																																																																																																																																																																																															

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người đứng đầu
bộ phận tham mưu về công tác cán bộ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

... ngày ... tháng ... năm ...
Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố...
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Chỉ tính số lượng, cơ cấu ngạch công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức hành chính.
2. Tỷ lệ % từng ngạch công chức = tổng số công chức giữ ngạch/tổng số biên chế được giao hoặc tổng số công chức hiện có.
3. Cột số (15) đến cột số (25) tính đến thời điểm lập báo cáo hằng năm.



Phụ lục số 03

CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2024/TT-BNV ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chuyên ngành	Cơ cấu ngạch công chức theo yêu cầu VTVL được phê duyệt												Cơ cấu ngạch công chức hiện có												Ghi chú
			Tổng số biên chế được giao	Trong đó										Tổng số công chức hiện có	Trong đó												
				CVCC và tương đương		CVC và tương đương		CV và tương đương		CS và tương đương		NV và tương đương			CVCC và tương đương		CVC và tương đương		CV và tương đương		CS và tương đương		NV và tương đương				
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)		
TỔNG CỘNG:																											
I Tổ chức có chức năng phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Chính phủ, thực hiện dịch vụ công																											
1	Đơn vị cấu thành	Hành chính																									
		Thanh tra																									
		Kế toán																									
		Văn thư																									
		...																									
...	...																										
II Tổ chức thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp về chương trình, kế hoạch công tác, quản trị nội bộ																											
1	Đơn vị cấu thành	Hành chính																									
		Thanh tra																									
		Kế toán																									
		Văn thư																									
		...																									
...	...																										

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người đứng đầu
bộ phận tham mưu về công tác cán bộ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

... ngày ... tháng ... năm ...
Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Chỉ tính số lượng, cơ cấu ngạch công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức hành chính.
2. Biểu mẫu áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, được cấp có thẩm quyền giao biên chế công chức nhưng không thuộc quy định tại Điều 2a, Điều 2b, Điều 2c Thông tư này.
3. Tỷ lệ % từng ngạch công chức = tổng số công chức giữ ngạch/tổng số biên chế được giao hoặc tổng số công chức hiện có.
4. Cột số (15) đến cột số (25) tính đến thời điểm lập báo cáo hằng năm.

